

Số: 69 /QĐ-SGDĐT

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

Căn cứ Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: số 788/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; số 310/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 về việc Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo: số 4469/QĐ-SGDĐT ngày 26/12/2024 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2025-2026; số 211/QĐ-SGDĐT ngày 06/3/2025 về việc ban hành Quy định tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông;

Căn cứ Kế hoạch số 212/KH-SGDĐT ngày 27/02/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công Trứ tại Tờ trình số 109/TTr-NCT ngày 03/7/2025 về việc phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026 và đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Trung học, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điểm chuẩn và số lượng học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2025-2026 của Trường THPT Nguyễn Công Trứ như sau:

1. Điểm chuẩn:

- Nguyên vọng 1: Có điểm thi tuyển từ 12,30 điểm trở lên (thi đủ các bài thi và không có bài thi nào bị điểm dưới 1,0), số học sinh trúng tuyển: 157 học sinh.

- Nguyên vọng 2: Có điểm thi tuyển từ 14,00 điểm trở lên (thi đủ các bài thi và không có bài thi nào bị điểm dưới 1,0), số học sinh trúng tuyển: 20 học sinh.

- Tuyển thẳng: 07 học sinh.

2. Tổng số học sinh trúng tuyển: 184 học sinh (có danh sách kèm theo), so với chỉ tiêu được giao: 180 học sinh, tỉ lệ: 102,22%.

Điều 2. Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công Trứ có trách nhiệm thông báo điểm chuẩn và kết quả tuyển sinh đến phụ huynh, học sinh biết; đồng thời hoàn chỉnh hồ sơ tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trường phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Công Trứ và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Kamet*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, các PGD Sở GDĐT;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, GDTTH, htson.

GIÁM ĐỐC
 K. V. S. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
 QUẢNG NGÃI



Nguyễn Ngọc Thái

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Tờ trình số 109/TTr-NCT ngày 03/7/2025 của trường THPT Nguyễn Công Trứ)

TT	SBD	Phòng thi	HDT	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
1			NCT	NGUYỄN TRUNG HIỀU	Nam	09/03/2009	Quảng Ngãi						Khuyết tật	Tuyển thẳng	Khuyết tật
2			NCT	PHAN THANH MỸ LY	Nữ	02/11/2010	Quảng Ngãi						Khuyết tật	Tuyển thẳng	Khuyết tật
3			NCT	PHẠM NGUYỄN QUỲNH NI	Nữ	02/11/2009	Quảng Ngãi						Khuyết tật	Tuyển thẳng	Khuyết tật
4			NCT	ĐOÀN NGUYỄN TẤN QUẢN	Nam	26/01/2010	Quảng Ngãi						Khuyết tật	Tuyển thẳng	Khuyết tật
5			NCT	LÊ VĂN THỨC	Nam	02/09/2008	Quảng Ngãi						Khuyết tật	Tuyển thẳng	Khuyết tật
6			NCT	VÕ NGUYỄN THUY TRÂM	Nữ	11/06/2010	Quảng Ngãi						Khuyết tật	Tuyển thẳng	Khuyết tật
7			NCT	MÁ KHÁNH VY	Nữ	30/03/2009	Quảng Ngãi						Khuyết tật	Tuyển thẳng	Khuyết tật
8	180079	P04	NCT	HUỲNH KIM HÙNG	Nam	25/06/2010	Quảng Ngãi	8,25	7,75	9,4		0,5	25,9	NV1	NV2_PVD
9	180212	P09	NCT	CAO NGUYỄN HỒNG THU	Nữ	14/06/2010	Đồng Nai	9	7,25	7		0	23,25	NV1	NV2_NH2
10	180186	P08	NCT	ĐƯƠNG THỊ YẾN SÂM	Nữ	24/10/2010	Quảng Ngãi	8	7,25	7,7		0	22,95	NV1	NV2_NH2
11	180156	P07	NCT	PHAN THỊ BÍCH NHƯ	Nữ	20/08/2010	Đồng Tháp	7,25	7,5	7,8		0	22,55	NV1	NV2_PVD
12	180249	P11	NCT	LÊ THANH TUYỀN	Nữ	10/10/2010	Quảng Ngãi	7,5	6,5	8,3		0	22,3	NV1	NV2_NH2
13	180040	P02	NCT	LÊ THỊ HỒNG ĐIỂM	Nữ	30/06/2010	Quảng Ngãi	8,75	7,25	6		0	22	NV1	NV2_PVD
14	180074	P04	NCT	TRẦN MINH HUY	Nam	05/07/2010	Quảng Ngãi	7,75	7,25	6,9		0	21,9	NV1	NV2_TQD
15	180087	P04	NCT	TRẦN GIA KHANG	Nam	08/09/2010	Quảng Ngãi	7,75	6,75	7,2		0	21,7	NV1	NV2_TQD
16	180148	P07	NCT	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	02/05/2010	Quảng Ngãi	8	7	6,4		0	21,4	NV1	NV2_TQD
17	180220	P10	NCT	NGUYỄN ĐÔNG TIỀN	Nam	18/07/2010	Quảng Ngãi	5,5	7	8,7		0	21,2	NV1	NV2_TQD
18	180250	P11	NCT	LÊ THỊ KIM TUYỀN	Nữ	08/06/2010	Quảng Ngãi	8	3,75	8,8		0	20,55	NV1	NV2_NH2
19	180263	P12	NCT	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	14/10/2010	Quảng Ngãi	7,25	6,75	6,4		0	20,4	NV1	NV2_PVD
20	180221	P10	NCT	NGUYỄN ĐỨC TÍN	Nam	13/01/2010	Quảng Ngãi	7,5	4,5	7,7		0	19,7	NV1	NV2_TQD
21	180009	P01	NCT	NGUYỄN TẤN BẢO	Nam	21/08/2010	Quảng Ngãi	6,75	6,25	6,3		0	19,3	NV1	NV2_TQD
22	180247	P11	NCT	LÊ NGUYỄN VINH TRƯỜNG	Nam	05/08/2010	Quảng Ngãi	7	6	6,1		0	19,1	NV1	NV2_MD2
23	180023	P01	NCT	VÕ LÊ MINH CÔNG	Nam	29/03/2010	Quảng Ngãi	5,75	6	7,3		0	19,05	NV1	NV2_TQD
24	180010	P01	NCT	NGUYỄN VĂN BẢO	Nam	26/07/2010	Quảng Ngãi	5,25	7,5	6,2		0	18,95	NV1	NV2_TQD
25	180161	P07	NCT	VÕ THỊ KIỀU OANH	Nữ	09/05/2010	Quảng Ngãi	7,5	6	5,3		0	18,8	NV1	NV2_TQD
26	180088	P04	NCT	TRẦN NHẬT BẢO KHANG	Nam	12/07/2010	Quảng Ngãi	5,25	7,5	6		0	18,75	NV1	NV2_PVD
27	180096	P04	NCT	VÕ ANH KIẾT	Nam	07/09/2010	Quảng Ngãi	5,25	5,75	7,7		0	18,7	NV1	NV2_TQD
28	180125	P06	NCT	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	Nữ	05/07/2010	Quảng Ngãi	7	5	6,7		0	18,7	NV1	NV2_PVD
29	180027	P02	NCT	NGUYỄN VĂN DOANH	Nam	05/10/2010	Quảng Ngãi	7,25	7	4,4		0	18,65	NV1	NV2_TQD
30	180050	P03	NCT	PHAN NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	20/06/2010	Quảng Ngãi	6,5	6,75	5,2		0	18,45	NV1	NV2_TQD

TT	SBD	Phòng thi	HĐT	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
31	180131	P06	NCT	NGUYỄN VĂN NGHĨA	Nam	27/05/2010	Quảng Ngãi	6,75	6,5	5,2		0	18,45	NV1	NV2_MD2
32	180179	P08	NCT	ĐỖ THỊ KIM QUY	Nữ	18/02/2010	Quảng Ngãi	7	4,75	6,7		0	18,45	NV1	NV2_NH2
33	180001	P01	NCT	ĐÀM TÂM AN	Nữ	08/03/2010	Quảng Ngãi	7,25	3,75	6,4		1	18,4	NV1	NV2_PVD
34	180022	P01	NCT	NGUYỄN THỊ KIM CÔNG	Nữ	28/02/2010	Quảng Ngãi	7,75	6,25	4,4		0	18,4	NV1	NV2_TQD
35	180256	P12	NCT	TRẦN NHƯ QUỐC VINH	Nam	03/09/2010	Quảng Ngãi	5,75	6,75	5,8		0	18,3	NV1	NV2_TQD
36	180095	P04	NCT	NGUYỄN VÕ TUẤN KIẾT	Nam	21/10/2010	Quảng Ngãi	6,25	6,75	5,2		0	18,2	NV1	NV2_TQD
37	180257	P12	NCT	HUỖNH THỊ NHẬT VY	Nữ	02/01/2010	Quảng Ngãi	7,75	5,75	3,7		1	18,2	NV1	NV2_TQD
38	180043	P02	NCT	TRẦN NHƯ ĐÙ	Nam	04/11/2010	Quảng Ngãi	7,25	7,5	3,4		0	18,15	NV1	NV2_TQD
39	180237	P10	NCT	LƯƠNG PHƯỚC TRÍ	Nam	12/01/2010	Quảng Ngãi	7,25	6,25	4,6		0	18,1	NV1	NV2_MD2
40	180042	P02	NCT	HUỖNH TRUNG ĐÔNG	Nam	16/04/2010	Quảng Ngãi	5,5	6,5	6		0	18	NV1	NV2_TQD
41	180228	P10	NCT	LÊ NỮ HOÀNG TRANG	Nữ	25/07/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,75	5,9		0	17,9	NV1	NV2_MD2
42	180017	P01	NCT	NGUYỄN NGỌC CHÂU	Nam	04/06/2010	Quảng Ngãi	8,25	6,25	3,3		0	17,8	NV1	NV2_MD2
43	180011	P01	NCT	VÕ TRẦN GIA BẢO	Nam	08/03/2010	Quảng Ngãi	6,5	6,5	4,7		0	17,7	NV1	NV2_TQD
44	180232	P10	NCT	NGUYỄN THỊ NHƯ TRÂM	Nữ	21/09/2010	Quảng Ngãi	7,5	6	4,1		0	17,6	NV1	NV2_MD2
45	180259	P12	NCT	NGÔ NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	03/08/2010	Quảng Ngãi	7,5	5	5,1		0	17,6	NV1	NV2_TQD
46	180183	P08	NCT	TRẦN THỊ THẢO QUYÊN	Nữ	16/10/2010	Quảng Ngãi	8	5,25	4,1		0	17,35	NV1	NV2_PVD
47	180006	P01	NCT	NGUYỄN THỊ DIỆU ANH	Nữ	29/10/2010	Quảng Ngãi	8,5	4,25	4,5		0	17,25	NV1	NV2_PVD
48	180121	P06	NCT	NGUYỄN THANH NAM	Nam	21/12/2010	Quảng Ngãi	5,75	6	5,5		0	17,25	NV1	NV2_TQD
49	180244	P11	NCT	TRẦN THỊ THANH TRÚC	Nữ	02/06/2010	Quảng Ngãi	6,25	6	5		0	17,25	NV1	NV2_TQD
50	180129	P06	NCT	VÕ THỊ THU NGÂN	Nữ	08/02/2010	Quảng Ngãi	5,25	5,75	4,6		1,5	17,1	NV1	NV2_PVD
51	180123	P06	NCT	TRẦN THỊ THU NGÀ	Nữ	20/10/2010	Quảng Ngãi	6,5	5,25	5,3		0	17,05	NV1	NV2_TQD
52	180137	P06	NCT	ĐỖ THỊ KIM NHÂN	Nữ	18/06/2010	Quảng Ngãi	5	5,25	6,8		0	17,05	NV1	NV2_TQD
53	180054	P03	NCT	TRẦN ĐỨC HẢO	Nam	25/05/2010	Quảng Ngãi	6,5	5,25	5,2		0	16,95	NV1	NV2_NH2
54	180115	P05	NCT	LÊ THỊ HÀ MY	Nữ	12/02/2010	Quảng Ngãi	7	7,25	2,7		0	16,95	NV1	NV2_MD2
55	180233	P10	NCT	TRẦN HUỖNH QUỲNH TRÂM	Nữ	20/01/2010	Quảng Ngãi	6,75	5	5,1		0	16,85	NV1	NV2_TQD
56	180242	P11	NCT	LÊ TRINH KIỀU TRINH	Nữ	18/05/2010	Quảng Ngãi	7,25	4	5,4		0	16,65	NV1	NV2_TQD
57	180099	P05	NCT	HUỖNH QUỐC LAM	Nam	16/10/2010	Quảng Ngãi	7	4	5,6		0	16,6	NV1	NV2_TQD
58	180048	P02	NCT	NGUYỄN THỊ XUÂN HẠ	Nữ	05/09/2010	Quảng Ngãi	7,25	5,25	4		0	16,5	NV1	NV2_TQD
59	180106	P05	NCT	VÕ THANH LỘC	Nam	07/11/2010	Quảng Ngãi	6	4,75	5,7		0	16,45	NV1	NV2_TQD
60	180015	P01	NCT	LÊ CAO BÌNH	Nam	08/05/2010	Quảng Ngãi	6,5	6	3,9		0	16,4	NV1	NV2_TQD
61	180240	P10	NCT	NGUYỄN THANH TRIỀU	Nam	02/02/2010	Quảng Ngãi	5,5	4	6,9		0	16,4	NV1	NV2_PVD
62	180051	P03	NCT	HỒ HÀ HỒNG HẠNH	Nữ	26/09/2010	Quảng Ngãi	6	6,75	3,6		0	16,35	NV1	NV2_PVD
63	180167	P07	NCT	VÕ TRƯỜNG PHONG	Nam	24/10/2010	Quảng Ngãi	6,25	5	5,1		0	16,35	NV1	NV2_TQD
64	180222	P10	NCT	NGUYỄN THƯƠNG TÍN	Nam	15/12/2010	TP Hồ Chí Minh	6,5	5,5	4,3		0	16,3	NV1	NV2_TQD
65	180077	P04	NCT	PHAN HUỖNH NGỌC HUYỀN	Nữ	07/09/2010	TP Hồ Chí Minh	7,5	4,75	4		0	16,25	NV1	NV2_TQD
66	180071	P03	NCT	LÊ QUANG HUY	Nam	30/08/2010	Quảng Ngãi	5	7,5	3,7		0	16,2	NV1	NV2_TQD

TT	SBD	Phòng thi	HDT	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T. Anh	Chuyên				
67	180211	P09	NCT	TRẦN LƯU TRƯỜNG	Nam	30/05/2010	Đắk Nông	6	6,5	3,7		0	16,2	NV1	NV2_TQD
68	180062	P03	NCT	PHÙNG THỊ NGỌC	Nữ	08/02/2010	Quảng Ngãi	7,5	3,75	4,9		0	16,15	NV1	NV2_PVD
69	180069	P03	NCT	LÊ QUANG	Nam	01/09/2010	Quảng Ngãi	4,5	5	6,6		0	16,1	NV1	NV2_MD2
70	180093	P04	NCT	BÙI TUẤN	Nam	11/11/2010	Quảng Ngãi	5,5	6,25	4,3		0	16,05	NV1	NV2_TQD
71	180102	P05	NCT	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	16/02/2010	Quảng Ngãi	7,5	5,5	3		0	16	NV1	NV2_PVD
72	180154	P07	NCT	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	15/08/2010	Quảng Ngãi	6	4	6		0	16	NV1	NV2_TQD
73	180201	P09	NCT	TRẦN NGUYỄN QUỐC	Nam	22/10/2010	Quảng Ngãi	6,5	3,5	6		0	16	NV1	NV2_NH2
74	180238	P10	NCT	NGUYỄN NGỌC	Nam	04/01/2010	Quảng Ngãi	5,75	6	4,2		0	15,95	NV1	NV2_TQD
75	180266	P12	NCT	TRẦN THỊ KIM	Nữ	28/01/2010	Quảng Ngãi	6,5	5,5	3,9		0	15,9	NV1	NV2_TQD
76	180267	P12	NCT	VÕ HOÀNG HẢI	Nữ	31/10/2010	Quảng Ngãi	6,5	6	3,4		0	15,9	NV1	NV2_TQD
77	180002	P01	NCT	HUYỀN LONG	Nam	10/10/2010	Quảng Ngãi	5	5,25	5,6		0	15,85	NV1	NV2_TQD
78	180181	P08	NCT	NGUYỄN HÀ BẢO	Nữ	04/07/2010	Quảng Ngãi	8	4,25	3,5		0	15,75	NV1	NV2_PVD
79	180014	P01	NCT	BÙI NGUYỄN DUY	Nam	15/03/2010	Quảng Ngãi	7	4,5	4,2		0	15,7	NV1	NV2_MD2
80	180152	P07	NCT	MAI HUYNH	Nữ	04/08/2010	Quảng Ngãi	7,25	4,25	4,2		0	15,7	NV1	NV2_MD2
81	180234	P10	NCT	TRẦN NGỌC BẢO	Nữ	08/09/2010	Quảng Ngãi	7,25	3,25	5,2		0	15,7	NV1	NV2_MD2
82	180141	P06	NCT	PHẠM THÁNH	Nam	15/03/2010	Quảng Ngãi	5,5	5,25	4,9		0	15,65	NV1	NV2_NH2
83	180226	P10	NCT	LÊ MINH	Nam	29/12/2010	Quảng Ngãi	6	5,75	3,9		0	15,65	NV1	NV2_MD2
84	180075	P04	NCT	ĐẶNG THỦY	Nữ	08/09/2010	Quảng Ngãi	7,25	3,25	5,1		0	15,6	NV1	NV2_TQD
85	180109	P05	NCT	LÊ KIỀU CẨM	Nữ	17/04/2010	Quảng Ngãi	7	4	4,6		0	15,6	NV1	NV2_TQD
86	180060	P03	NCT	TẠ NGỌC	Nữ	06/07/2010	Quảng Ngãi	8	3,75	3,8		0	15,55	NV1	NV2_PVD
87	180262	P12	NCT	PHUONG NGUYỄN TƯỜNG	Nữ	11/02/2010	TP Hồ Chí Minh	6,5	4,25	4,8		0	15,55	NV1	NV2_TQD
88	180136	P06	NCT	TRỊNH ĐOÀN	Nam	25/04/2010	Quảng Ngãi	6	6,5	3		0	15,5	NV1	NV2_TQD
89	180205	P09	NCT	LƯU MINH	Nam	08/09/2010	Quảng Ngãi	6,75	4,25	4,5		0	15,5	NV1	NV2_TQD
90	180100	P05	NCT	LÊ THỊ THANH	Nữ	24/01/2010	Quảng Ngãi	6,5	5	3,9		0	15,4	NV1	NV2_MD2
91	180150	P07	NCT	LÊ HOÀNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	29/08/2010	Thanh Hóa	6,25	4,75	4,4		0	15,4	NV1	NV2_MD2
92	180018	P01	NCT	HỒ THANH DẠ	Nữ	17/01/2010	Quảng Ngãi	6,75	2,5	6,1		0	15,35	NV1	NV2_PVD
93	180031	P02	NCT	TRƯƠNG QUANG	Nam	04/05/2010	Quảng Ngãi	4	5,25	6,1		0	15,35	NV1	NV2_PVD
94	180215	P09	NCT	NGÔ HOÀNG THANH	Nữ	18/05/2010	Quảng Ngãi	6	6,25	3,1		0	15,35	NV1	NV2_TQD
95	180033	P02	NCT	TRẦN THỊ MỸ	Nữ	01/08/2010	Quảng Ngãi	5,5	5,25	4,5		0	15,25	NV1	NV2_TQD
96	180086	P04	NCT	NGUYỄN PHÚC MINH	Nam	03/01/2010	Quảng Ngãi	6,75	3	5,5		0	15,25	NV1	NV2_TQD
97	180116	P05	NCT	NGUYỄN HUYNH QUYNH	Nữ	09/03/2010	TP Hồ Chí Minh	7,25	5	3		0	15,25	NV1	NV2_PVD
98	180081	P04	NCT	PHẠM TRẦN NGỌC	Nam	29/12/2010	Quảng Ngãi	6,5	6	2,7		0	15,2	NV1	NV2_PVD
99	180236	P10	NCT	LÊ THANH	Nam	29/09/2010	Quảng Ngãi	6,25	6,75	2,2		0	15,2	NV1	NV2_MD2
100	180035	P02	NCT	PHẠM VŨ HOÀNG	Nam	01/09/2010	Quảng Ngãi	5	6,25	3,9		0	15,15	NV1	NV2_TQD
101	180158	P07	NCT	TRỊNH NGUYỄN QUYNH	Nữ	15/02/2010	Quảng Ngãi	6,5	4,75	3,9		0	15,15	NV1	NV2_PVD
102	180045	P02	NCT	PHAN THỊ TRÀ	Nữ	26/06/2010	Quảng Ngãi	6,75	4,25	4,1		0	15,1	NV1	NV2_NH2

TT	SBD	Phòng thi	HDT	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
103	180261	P12	NCT	NGUYỄN THỊ TUƠNG	Nữ	13/09/2010	Quảng Ngãi	6	2,25	6,8		0	15,05	NV1	NV2 NCP
104	180151	P07	NCT	CAO QUỲNH	Nữ	24/10/2010	Quảng Ngãi	7	5,25	2,7		0	14,95	NV1	NV2 MD2
105	180146	P07	NCT	TRẦN THỊ BÍCH	Nữ	10/08/2010	Quảng Ngãi	7,5	4,5	2,9		0	14,9	NV1	NV2 PVD
106	180253	P11	NCT	LÊ THỊ BÍCH	Nữ	27/10/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,25	3,4		0	14,9	NV1	NV2 TQD
107	180225	P10	NCT	NGUYỄN TẤN	Nam	22/02/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,25	3,3		0	14,8	NV1	NV2 NH2
108	180155	P07	NCT	NGUYỄN THỊ QUỲNH	Nữ	15/12/2010	Quảng Ngãi	5,75	3,5	5,5		0	14,75	NV1	NV2 MD2
109	180176	P08	NCT	NGUYỄN VĂN	Nam	03/11/2010	Quảng Ngãi	5,75	5,5	3,5		0	14,75	NV1	NV2 MD2
110	180080	P04	NCT	LÊ NGUYỄN NGỌC	Nam	28/07/2010	Quảng Ngãi	5,5	6	3,2		0	14,7	NV1	NV2 TQD
111	180133	P06	NCT	TRẦN BẢO	Nữ	09/04/2010	Quảng Ngãi	7	3,75	3,9		0	14,65	NV1	NV2 NH2
112	180012	P01	NCT	LÊ NGỌC	Nam	10/09/2010	Hà Nam	6,75	4,5	3,3		0	14,55	NV1	
113	180191	P08	NCT	NGUYỄN TẤN	Nam	04/01/2010	Quảng Ngãi	6,25	5,5	2,8		0	14,55	NV1	NV2 TQD
114	180153	P07	NCT	NGUYỄN NGỌC	Nữ	21/11/2010	Quảng Ngãi	7,25	4,75	2,5		0	14,5	NV1	NV2 PVD
115	180160	P07	NCT	PHẠM VĂN	Nam	19/04/2010	Quảng Ngãi	6,75	3,25	4,5		0	14,5	NV1	NV2 TQD
116	180028	P02	NCT	NGUYỄN HỮU	Nam	19/01/2010	Quảng Ngãi	4,75	5,75	3,8		0	14,3	NV1	NV2 TQD
117	180063	P03	NCT	NGUYỄN TẤN	Nam	18/05/2010	Quảng Ngãi	5,5	4,5	4,3		0	14,3	NV1	NV2 NH2
118	180082	P04	NCT	HUỲNH THỊ THU	Nữ	30/11/2010	Quảng Ngãi	6	4,5	3,8		0	14,3	NV1	NV2 TQD
119	180122	P06	NCT	TRẦN THỊ THANH	Nữ	28/12/2010	Quảng Ngãi	7,25	2,5	4,5		0	14,25	NV1	NV2 TQD
120	180241	P11	NCT	BÙI XUÂN	Nam	24/10/2010	Quảng Ngãi	5,5	4,25	4,5		0	14,25	NV1	NV2 MD2
121	180114	P05	NCT	LÊ HUỲNH THỊ DIỄM	Nữ	05/06/2010	Quảng Ngãi	6	4	4,2		0	14,2	NV1	NV2 TQD
122	180104	P05	NCT	TRẦN VĂN	Nam	07/08/2010	Quảng Ngãi	6,75	3,75	3,6		0	14,1	NV1	NV2 TQD
123	180231	P10	NCT	NGUYỄN NGỌC BẢO	Nữ	23/07/2010	Bình Định	7,5	5	1,6		0	14,1	NV1	NV2 PVD
124	180128	P06	NCT	TRẦN THỊ KIM	Nữ	19/10/2010	Quảng Ngãi	7	2,75	4,3		0	14,05	NV1	NV2 TQD
125	180067	P03	NCT	NGUYỄN THANH	Nam	25/05/2010	Quảng Ngãi	5,25	5,5	3,2		0	13,95	NV1	NV2 MD2
126	180134	P06	NCT	TRỊNH NGUYỄN YẾN	Nữ	11/12/2010	Thanh Hóa	4,75	4,5	4,7		0	13,95	NV1	NV2 PVD
127	180145	P07	NCT	PHẠM QUỐC	Nam	15/07/2010	TP Hồ Chí Minh	5,75	4	4,2		0	13,95	NV1	NV2 PVD
128	180026	P02	NCT	TRỊNH HOÀNG	Nữ	21/10/2010	Quảng Ngãi	6	4,75	3,1		0	13,85	NV1	NV2 NH2
129	180039	P02	NCT	NGUYỄN TIẾN	Nam	03/09/2010	Quảng Ngãi	7	5	1,8		0	13,8	NV1	NV2 PVD
130	180094	P04	NCT	ĐINH TRẦN TUẤN	Nam	08/09/2010	Quảng Ngãi	4,75	4,25	4,8		0	13,8	NV1	NV2 TQD
131	180255	P12	NCT	TRẦN NGỌC	Nam	01/03/2010	Quảng Ngãi	3,5	5,5	4,8		0	13,8	NV1	NV2 TQD
132	180066	P03	NCT	THIỆU NGUYỄN GIA	Nam	25/08/2010	Quảng Ngãi	5,25	6,5	2		0	13,75	NV1	NV2 TQD
133	180029	P02	NCT	LÊ ANH	Nam	14/01/2010	Quảng Ngãi	4,75	5	3,9		0	13,65	NV1	NV2 TQD
134	180103	P05	NCT	PHẠM CHÍ	Nam	09/08/2010	Quảng Ngãi	5	1,75	6,9		0	13,65	NV1	NV2 TQD
135	180025	P02	NCT	NGUYỄN THỊ	Nữ	03/12/2010	Quảng Ngãi	5,25	6,5	1,8		0	13,55	NV1	NV2 TQD
136	180258	P12	NCT	LÊ YẾN	Nữ	30/10/2010	Quảng Ngãi	5	6,25	2,3		0	13,55	NV1	NV2 TQD
137	180055	P03	NCT	PHAN THỊ THU	Nữ	27/08/2010	Quảng Ngãi	5,5	2,25	5,7		0	13,45	NV1	NV2 TQD
138	180084	P04	NCT	TRẦN ĐOÀN GIA	Nam	28/08/2010	Quảng Ngãi	5,5	3,25	4,6		0	13,35	NV1	NV2 TQD

TT	SBD	Phòng thi	HDT	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên/kK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trình độ tuyển nguyên vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
139	180143	P06	NCT	NGUYỄN QUỐC TRUNG	Nam	22/02/2010	Quảng Ngãi	5	3,75	4,6		0	13,35	NV1	NV2_TQD
140	180059	P03	NCT	PHẠM KHÁ	Nữ	10/01/2010	Quảng Ngãi	3,25	5,75	4,1		0	13,1	NV1	NV2_TQD
141	180117	P05	NCT	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	31/07/2010	Quảng Ngãi	5,75	4	3,3		0	13,05	NV1	NV2_TQD
142	180036	P02	NCT	HUỲNH NGUYỄN PHÚ	Nam	02/04/2010	Quảng Ngãi	5,75	3,5	3,7		0	12,95	NV1	NV2_TQD
143	180124	P06	NCT	HUỲNH NGỌC ANH	Nữ	02/02/2010	Quảng Ngãi	6,5	2,25	4,2		0	12,95	NV1	NV2_TQD
144	180008	P01	NCT	LÊ NGỎ GIA	Nam	27/08/2010	Quảng Ngãi	5	5,5	2,4		0	12,9	NV1	NV2_TQD
145	180046	P02	NCT	TRẦN THỊ HƯƠNG	Nữ	08/09/2010	Quảng Ngãi	3	5	4,9		0	12,9	NV1	NV2_TQD
146	180110	P05	NCT	TRẦN CÔNG	Nam	06/05/2010	Quảng Ngãi	4,75	5,75	2,4		0	12,9	NV1	NV2_MD2
147	180112	P05	NCT	LÊ QUANG	Nam	25/10/2010	Quảng Ngãi	6,25	4,5	2,1		0	12,85	NV1	NV2_TQD
148	180204	P09	NCT	NGUYỄN HỮU	Nam	04/08/2010	Quảng Ngãi	5	5,75	2,1		0	12,85	NV1	NV2_MD2
149	180260	P12	NCT	NGUYỄN THỊ	Nữ	26/06/2010	Quảng Ngãi	7,5	2,25	3		0	12,75	NV1	NV2_TQD
150	180044	P02	NCT	NGUYỄN VIỆT	Nam	30/07/2010	Quảng Ngãi	5,25	3	4,4		0	12,65	NV1	NV2_PVD
151	180119	P05	NCT	TRẦN THẢO	Nữ	05/03/2010	Quảng Ngãi	7	3,25	2,4		0	12,65	NV1	NV2_TQD
152	180210	P09	NCT	PHẠM HÒA	Nam	13/09/2010	Quảng Ngãi	6,25	4,5	1,9		0	12,65	NV1	NV2_PVD
153	180138	P06	NCT	HỒ LÊ THANH	Nữ	28/11/2010	Quảng Ngãi	5,25	1	6,3		0	12,55	NV1	NV2_TQD
154	180230	P10	NCT	NGUYỄN NGỌC	Nữ	08/03/2010	Quảng Ngãi	5,75	3,5	3,3		0	12,55	NV1	NV2_TQD
155	180105	P05	NCT	HỒ HỮU	Nam	11/06/2010	Quảng Ngãi	6,25	3,75	2,5		0	12,5	NV1	NV2_TQD
156	180196	P09	NCT	NGUYỄN VĂN	Nam	21/01/2010	Quảng Ngãi	4,5	4	4		0	12,5	NV1	NV2_PVD
157	180178	P08	NCT	MAI VĂN	Nam	08/10/2010	Quảng Ngãi	6,25	2,5	3,7		0	12,45	NV1	NV2_TQD
158	180200	P09	NCT	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	07/02/2010	Quảng Ngãi	6,75	2,5	3,2		0	12,45	NV1	NV2_TQD
159	180243	P11	NCT	NGUYỄN THANH	Nữ	30/08/2010	Quảng Ngãi	5,75	4	2,7		0	12,45	NV1	NV2_TQD
160	180245	P11	NCT	PHAN MINH	Nam	05/03/2010	Quảng Ngãi	6	3,75	2,7		0	12,45	NV1	
161	180057	P03	NCT	NGUYỄN GIA	Nữ	02/05/2010	Quảng Ngãi	5	4,5	2,9		0	12,4	NV1	NV2_PVD
162	180073	P04	NCT	PHAN HÒ QUỐC	Nam	12/12/2010	Quảng Ngãi	5,75	1	5,6		0	12,35	NV1	NV2_TQD
163	180194	P09	NCT	LÊ QUANG	Nam	25/04/2010	Quảng Ngãi	5	5,25	2,1		0	12,35	NV1	NV2_TQD
164	180016	P01	NCT	NGUYỄN VĂN	Nam	13/10/2010	Quảng Ngãi	5,25	4,75	2,3		0	12,3	NV1	NV2_MD2
165	170198	P09	MD2	TRƯƠNG THỊ LY	Nữ	13/04/2010	Quảng Ngãi	7,5	3	5,5		0	16	NV2	NV2_NCT
166	170033	P02	MD2	PHAN THỊ HỒNG	Nữ	24/09/2010	Quảng Ngãi	6,75	6,75	2,1		0	15,6	NV2	NV2_NCT
167	170103	P05	MD2	PHẠM NGỌC CẨM	Nữ	07/02/2010	Quảng Ngãi	4,75	5,25	5,6		0	15,6	NV2	NV2_NCT
168	170185	P08	MD2	LÊ TRẦN QUỐC	Nam	14/07/2010	Quảng Ngãi	5,75	4,5	5,3		0	15,55	NV2	NV2_NCT
169	170151	P07	MD2	ĐỖ TÂM	Nữ	03/06/2010	Quảng Ngãi	7,25	4,25	3,9		0	15,4	NV2	NV2_NCT
170	170304	P13	MD2	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	Nữ	18/09/2010	Quảng Ngãi	5,75	4	5,5		0	15,25	NV2	NV2_NCT
171	170036	P02	MD2	LÊ NGỌC	Nam	24/03/2010	Quảng Ngãi	6,75	4,75	3,7		0	15,2	NV2	NV2_NCT
172	170102	P05	MD2	NGÔ QUỐC	Nam	01/08/2010	Quảng Ngãi	6,75	5,25	3,2		0	15,2	NV2	NV2_NCT
173	170142	P06	MD2	MAI XUÂN	Nam	23/06/2010	Quảng Ngãi	5,5	6,25	3,3		0	15,05	NV2	NV2_NCT
174	170008	P01	MD2	HUỲNH LÊ GIA	Nam	03/11/2010	Quảng Ngãi	4	6,75	4,2		0	14,95	NV2	NV2_NCT

TT	SBD	Phòng thi	HĐT	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
175	170262	P11	MD2	NGUYỄN BẢO TRẦN	Nữ	08/03/2010	Quảng Ngãi	5,25	4,25	5,2		0	14,7	NV2	NV2 NCT
176	170281	P12	MD2	TRẦN THỊ BẢO TRÚC	Nữ	20/05/2010	Quảng Ngãi	5,5	4,5	4,7		0	14,7	NV2	NV2 NCT
177	170105	P05	MD2	PHẠM BÁ LỘC	Nam	17/05/2010	Quảng Ngãi	4,75	5,75	4,1		0	14,6	NV2	NV2 NCT
178	170118	P05	MD2	PHẠM LÊ HÀ MY	Nữ	24/07/2010	Quảng Ngãi	6,25	6,25	2,1		0	14,6	NV2	NV2 NCT
179	170310	P13	MD2	HUỲNH THỊ NHƯ Ý	Nữ	18/11/2010	Quảng Ngãi	6,5	4,5	3,4		0	14,4	NV2	NV2 NCT
180	170064	P03	MD2	TRƯƠNG CÔNG HUY	Nam	25/03/2010	Quảng Ngãi	4,75	5,25	4,3		0	14,3	NV2	NV2 NCT
181	170159	P07	MD2	BÙI TÂN PHÁT	Nam	09/01/2010	Quảng Ngãi	3,25	6	5		0	14,25	NV2	NV2 NCT
182	170163	P07	MD2	TRẦN THUẬN PHÁT	Nam	06/01/2010	Quảng Ngãi	5	2,75	6,5		0	14,25	NV2	NV2 NCT
183	170266	P12	MD2	LÊ QUANG TRÍ	Nam	10/01/2010	Quảng Ngãi	5,75	4,5	3,8		0	14,05	NV2	NV2 NCT
184	170252	P11	MD2	TRẦN THỊ MAI TRANG	Nữ	01/01/2010	Quảng Ngãi	5,25	3,25	5,5		0	14	NV2	NV2 NCT

Danh sách này có **184** học sinh được trúng tuyển
 trong đó: + Tuyển thẳng: **07** học sinh
 + Nguyên vọng 1: **157** học sinh
 + Nguyên vọng 2: **20** học sinh

Danh sách này có: 184 học sinh được đề nghị xét duyệt
 Trong đó: + Tuyển thẳng: 07 học sinh
 + Nguyên vọng 1: 157 học sinh
 + Nguyên vọng 2: 20 học sinh

QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Người lập danh sách
(Ký và ghi họ tên)

Nguyễn Thị Thủy Hằng

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG và đóng dấu



Trần Văn Hải

Nguyễn Ngọc Thái